

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST

Ngày 17/5/2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;

2. Ông Nguyễn Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lay;

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 97/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* L V Đ, sinh năm: 1986. Địa chỉ: ấp B, xã TB, huyện CL, tỉnh TG (có mặt);

2. *Bị đơn:* Ph Th Ph, sinh năm: 1971. Địa chỉ: ấp B, xã TB, huyện CL, tỉnh TG (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 11/02/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn L V Đ trình bày:**

Anh và chị Ph Th Ph chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2015. Thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 8/2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh nghi ngờ chị Ph không chung thủy nên hai người thường xuyên cự cãi, anh bỏ nhà đi nơi khác sinh sống, vợ chồng ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: xin ly hôn với chị Ph;

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

*** Theo tờ tự khai ghi ngày 14/3/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Ph Th Ph trình bày:**

Thừa nhận lời trình bày của anh Đ là đúng sự thật, trong quá trình chung sống anh Đ chỉ lo ăn chơi, không lo làm ăn, đánh bạc, hay nhậu nhẹt rồi về bạo hành vợ, gần đây chị biết được anh Đ không chung thủy và có người phụ nữ khác, vợ chồng ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Nay chị không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương anh Đ, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị vẫn chung thủy chứ không như anh Đ trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy anh Đ và chị Ph chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn, nay anh Đ tranh chấp ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu các bên đương sự: Tại phiên tòa anh Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh Đ, chị Ph chung sống và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn khả năng đoàn tụ do anh, chị chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường hay nghi ngờ và không còn tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng đã ly thân hơn 04 tháng nay. Tại phiên tòa anh Đ cương quyết ly hôn. Chị Ph không đồng ý nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng được anh Đ chấp nhận. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng anh dành cho chị Ph không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Giữa hai người cũng không có con chung, tài sản, nợ chung để ràng buộc mối quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ.

2.2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét;

[3] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ.

1. Về hôn nhân: Cho anh Đ ly hôn với chị Ph.

2. Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 16457 ngày 07/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên anh Đ đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CL;
- THADS huyện CL;
- UBND xã Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Phúc